SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH LONG
BỆNH VIỆN SẢN – NHI TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 724/QĐ-BVSNTV

Nguyệt Hóa, ngày 16 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sinh phẩm chẩn đoán invitro cho Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh (bao gồm 13 mặt hàng)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN SẢN – NHI TRÀ VINH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 (sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025;

Căn cứ trích Biên bản họp Hội đồng Khoa Học – Kỹ thuật ngày 05/8/2025;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa Học – Kỹ thuật ngày 26/02/2026;

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-BVSNTV ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bệnh viện Sản – Nhi về việc phê duyệt danh mục thiết bị y tế, hoá chất, vật tư xét nghiệm đấu thầu sử dụng năm 2026 của Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 723/QĐ-BVSNTV ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện Sản - Nhi Trà Vinh về việc phê duyệt dự toán Mua sinh phẩm chẩn đoán invitro cho Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh (bao gồm 13 mặt hàng);

Căn cứ Tờ trình số 76/TTr-TTHCVCBMT ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Tổ THCVCBMT Tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sinh phẩm chẩn đoán invitro cho Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh (bao gồm 13 mặt hàng);

Căn cứ tình hình thực tế;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sinh phẩm chẩn đoán invitro cho Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh (bao gồm 13 mặt hàng) với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ THCVCBMT và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH LONG
BỆNH VIỆN SẢN-NHI TRÀ VINH

Lê Minh Dũng

Phụ lục
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DỰ TOÁN MUA SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN INVITRO CHO BỆNH VIỆN SẢN – NHI TRÀ VINH
(BAO GỒM 13 MẶT HÀNG)
(Kèm theo Quyết định số: 724 /QĐ-BVSNTV ngày 16 tháng 1 0 năm 2026)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
01	Bệnh viện Sản - Nhi Trà Vinh	Gói thầu số 10: Mua sinh phẩm chẩn đoán invitro cho Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh (bao gồm 13 mặt hàng	Mua sinh phẩm chẩn đoán invitro cho Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh (bao gồm 13 mặt hàng)	494.404.668	Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và dịch vụ khác	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		30 ngày	Quí IV/2026	Theo đơn giá cố định	30 ngày	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu: 494.404.668 đồng (Bốn trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng)												

DANH MỤC MUA SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN INVITRO CHO BỆNH VIỆN SẢN – NHI TRÀ VINH

(BAO GỒM 13 MẶT HÀNG)

(Đính kèm Quyết định số 724 /QĐ-BVSNTV ngày tháng 10 năm 2026)

STT	TÊN MẶT HÀNG	ĐƠN VỊ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ KẾ HOẠCH (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ
01	Anti A	Lọ	Sodium azide < 0.1% w/v, sodium arsenite 0.02% và bovine albumin Độ đặc hiệu: 100%	12	171.160	2.053.920	Căn cứ báo giá của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vimec
02	Anti AB	Lọ	Sodium azide < 0.1% w/v, sodium arsenite 0.02% và bovine albumin Độ đặc hiệu: 100%	12	232.540	2.790.480	Căn cứ báo giá của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vimec
03	Anti B	Lọ	Sodium azide < 0.1% w/v, sodium arsenite 0.02% và bovine albumin Độ đặc hiệu: 100%	12	171.160	2.053.920	Căn cứ báo giá của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vimec
04	Anti D	Lọ	Sodium azide < 0.1% w/v, sodium arsenite 0.02% và bovine albumin Độ đặc hiệu: 100%	12	247.654	2.971.848	Căn cứ báo giá của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vimec

05	ASO Latex	Test	Định tính phát hiện và bán định lượng ASO. Loại mẫu: Huyết thanh Thành phần: - Latex: Polystyrene Latex particles coated with Streptolysin O. Sodium Azide: 0.9%. - Control + (red cap): Human Serum based, ASO concentration >250 IU/ML. - Control - (green cap): Human/Animal serum based, ASO negative control Sodium azide <1%. - Slide cards x10, plastic stirrers x100 Độ nhạy: ≥ 98%, Độ đặc hiệu: ≥ 97%	100	9.960	996.000	Căn cứ báo giá của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vimec
06	Chai cấy máu	Chai	Phát hiện phổ rộng các loại vi sinh gồm cả nấm và vi khuẩn khó mọc; chai cấy máu sử dụng nguyên lý đo màu và cảm biến CO2. Thể tích chai 25mL Thể tích mẫu tối thiểu 1ml, tối đa 3ml Vỏ chai Multi-layer polymeric fiber, không vỡ và an toàn sinh học Columbia broth powder 35g/l, peptone 10g/l, potassium	20	109.000	2.180.000	Căn cứ báo giá của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vimec

			dihydrogen phosphate 1.5g/l, glucose 5g/l, mannitol 2g/l, sodium citrate 3g/l, resin 4g/l. Hiển thị tình trạng chai ngay bằng màu sắc ngay vị trí trên cửa				
07	Que thử HIV 1/2	Test	- Độ nhạy 100% (HIV-1), ≥ 96.77% (HIV-2), độ đặc hiệu 100%. Cho kết quả nhanh trong 5 phút - Thành phần gồm card và assay diluent dropper: HIV 1/2 antigen, gold conjugate (0.8±0.16µg); Recombinant HIV 1 antigen (0.6±0.12µg); Recombinant HIV 2 antigen (0.5±0.10µg); Goat anti-HIV Ag antibody (0.6±0.12µg) Test dạng khay.	12.000	31.500	378.000.000	Căn cứ báo giá của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vimec
08	Que thử đường huyết	Que	Glucose Dehydrogenase(FAD) 7 µg, Potassium Ferricyanide 26 µg, Immobilizer 1.6 µg, Stabilizer 0.5 µg Phạm vi 10-900 mg/dL Mượn máy tương thích với que	6.000	31.500	49.200.000	Căn cứ báo giá của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vimec
09	Que thử nước tiểu 11 thông số	Hộp	Que 11 thông số: Glucose 75-125mg/dL (Glucose): Glucose oxidase 430U, peroxidase 200U, Potassium Iodide 12mg Bilirubin 0.8-1.0 mg/dL (Bilirubin): sodium nitrite 0.733 mg, 2,4-diclorobenzene	30	320.000	9.600.000	Căn cứ báo giá của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vimec

			diazonium 2.3 mg, sulfosalicylic acid 25mg Ketones 5-10mg/dL (Acetoacetic acid): sodium nitroprusside 23 mg Blood 10-15 RBC/µl (hemoglobin): cumene hydroperoxide 12 mg, o-Tolidine 35 mg Protein 15-30mg/dL (albumin): Tetrabromophenol blue 0.34 mg Nitrite 0.05-0.1mg/dL (Nitrite ion): p-arsanilic acid 4.5 mg Leukocytes 20-25 WBC/µl (Intact and lysed WBCs): Indole amino acid ester 1.3 mg Specific Gravity (SG): bromothymol blue 0.5 mg, polyvinyl ether ALT maleic acid anhydrous 140.5 mg pH: methyl red 0.05 mg, bromothymol blue 0.5 mg Urobilinogen: 4-methoxybenzenediazonium 2.9 mg				
10	Que thử sốt xuất huyết Dengue Ag	Test	- Độ nhạy ≥ 97.9%, độ đặc hiệu ≥ 99%, độ chính xác ≥ 98.6%. Cho kết quả trong15~ 20 phút. - Thành phần gồm card và dropper: Dengue NS1 Monoclonal Antibody-1 (0.14±0.028µg); Dengue NS1	300	75.700	22.710.000	Căn cứ báo giá của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vimec

			Monoclonal Antibody- 2 (0.32±0.064µg); Goat anti-mouse inmunoglobulin G (0.8±0.16µg)				
11	Que thử sốt xuất huyết IgM/IgG	Test	- Độ nhạy IgM ≥ 97.4 %, độ nhạy IgG ≥ 98.6%, độ đặc hiệu ≥ 99%, thời gian đọc sau 15 phút. Gồm: card, ống dẫn 10ul, dung dịch đệm - Thành phần: recombinant Dengue virus antigen (0.18±0.036 µg), mouse monoclonal anti-human IgG (0.32±0.064 µg), mouse monoclonal anti-human IgM (0.64±0.128 µg), anti-Dengue complex antibody (0.8±0.16 µg),	300	54.995	16.498.500	Căn cứ báo giá của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vimec
12	Que thử thai	Que	Strip 2.5mm, thời gian đọc kết quả 5 phút. Thành phần: test line: anti-α HCG capture antibody; control line: goat anti-mouse; mouse anti-β HCG monoclonal antibody-colloidal gold conjugate Độ nhạy phân tích: ≥ 25 mIU/mL Độ đặc hiệu phân tích: không phản ứng chéo với mẫu hLH 500 mIU/mL, hFSH 1000 mIU/mL và hTSH 1000 µIU/mL Độ nhạy chẩn đoán: 100% Độ đặc hiệu chẩn đoán: 100%	100	14.500	1.450.000	Căn cứ báo giá của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vimec

13	Thuốc thử Widal	Bộ	Bộ kháng nguyên Widal chẩn đoán thương hàn chứa hỗn dịch kháng nguyên của trực khuẩn và/hoặc polyspecific positive control Thành phần: thuốc thử S.typhi 'O', S.paratyphi 'CO' chứa 0.5% Phenol; thuốc thử S.typhi 'H', S.paratyphi 'AH', S.paratyphi 'BH', S.paratyphi 'CH' chứa 0.3% Formaldehyde, thuốc thử S.paratyphi 'AO', S.paratyphi 'BO' chứa 0.7% Ethanol và 0.1% sodium azide.	2	1.950.000	3.900.000	Căn cứ báo giá của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vimec
							494.404.668
Tổng số mặt hàng: 13 mặt hàng							
Tổng số tiền: Bốn trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng.							